

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 20/CUC TAY TRADING LLC/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH CÚC TÂY TRADING

Địa chỉ: Tòa nhà Circo, 222 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 35268489 (Ext: 770)

E-mail: vn.import@mrdiy.com

Mã số doanh nghiệp: 0317734828

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp: (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **HỘP THỦY TINH**

2. Thành phần: Phần thân bằng thủy tinh, phần nắp bằng nhựa PP, ron bằng silicone.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không có hạn sử dụng.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong thùng giấy, bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh theo quy định của Bộ Y Tế. Thông số kỹ thuật: Dung tích: 1000 ml. Quy cách đóng gói: 1 cái, 12 cái/thùng.

- Sản phẩm được đóng trong thùng giấy, bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh theo quy định của Bộ Y Tế. Thông số kỹ thuật: Dung tích: 800 ml. Quy cách đóng gói: 1 cái, 12 cái/thùng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Trung Quốc.

Sản xuất tại: SHUNMEI PLASTIC INDUSTRY CO., LTD.

Địa chỉ: Shuiyang Road, Yanjiang Town, Linhai, Taizhou, Zhejiang, Trung Quốc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

+ QCVN 12-4:2015/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm, sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.



+ QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

+ QCVN 12-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Vũ Hoàng Thi
Phó phòng Nhập khẩu



Sản phẩm	NỘI DUNG NHÂN PHỤ DỤ KIẾN
8801916	HỘP THUY TINH Thông số kỹ thuật: Dung tích: 800 ml. Thành phần: Phần thân bằng thủy tinh, phần nắp bằng nhựa PP, ron bằng silicone. Hướng dẫn sử dụng: Rửa sản phẩm bằng nước sạch trước khi sử dụng. Hướng dẫn bảo quản: Ở nơi sạch sẽ và khô ráo. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng nếu sản phẩm bị hư hỏng. Vui lòng để sản phẩm tránh xa lửa. Ngăn không cho sản phẩm rơi để tránh hư hỏng. Không sử dụng len thép để vệ sinh nhằm tránh làm xước bề mặt. Nhà sản xuất: SHUNMEI PLASTIC INDUSTRY CO., LTD. Địa chỉ: Shuiyang Road, Yanjiang Town, Linhai, Taizhou, Zhejiang, Trung Quốc. Nhà nhập khẩu: CÔNG TY TNHH CÚC TÂY TRADING Địa chỉ: Tòa nhà Circo, 222 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điện thoại: (028) 35268489 (Ext: 770) Xuất xứ: Trung Quốc.



TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM ĐÍNH KÈM

Tên sản phẩm: **HỢP THUY TINH**

Phân thân bằng thủy tinh:

STT	Chỉ tiêu kiểm tra	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/l	0,5
2	Chì (Pb)	mg/l	1,5

Phân nắp bằng nhựa PP:

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Chì	100 µg/g	Kim loại nặng	95°C trong 30 phút	Acid acetic 4%	1 µg/ml
Cadmi	100 µg/g	Lượng KMnO ₄ sử dụng		Nước	10 µg/ml

Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Cặn khô	25°C trong 1 giờ	Heptan	30 µg/ml
	60°C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
	95°C trong 30 phút	Nước	
		Acid acetic 4%	

Ron bằng silicone:

Thử vật liệu		Thử thôi nhiễm			
Chỉ tiêu kiểm tra	Giới hạn tối đa	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
Cadmi	100 µg/g	Phenol	95°C trong 30 phút	Nước	5 µg/ml
Chì	100 µg/g				Âm tính
2Mercaptoimidazolin (Cao su chứa Clor)	Âm tính	Formaldehyd		Acid acetic 4%	15 µg/ml
		Kẽm			1 µg/ml
		Kim loại nặng		Nước	60 µg/ml
		Cặn khô	60°C trong 30 phút	Acid acetic 4%	
				Ethanol 20%	

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2503002541/K

Ngày/Date: 26/03/2025

Số đơn hàng/Job Order No.: 2503002541
Tên khách hàng/Client's name: CÔNG TY TNHH CÚC TÂY TRADING
Địa chỉ/Address: Tòa nhà Circo, 222 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Thông tin mẫu/Sample information: HỘP THỦY TINH
Số niêm phong/Seal No.: Không niêm/No seal
Mô tả mẫu/Sample description^(#): PHẦN THÂN BẰNG THỦY TINH+PHẦN NẮP BẰNG NHỰA PP+ RON BẰNG SILICONE
Ngày nhận mẫu/Date of sample receipt: 14/03/2025
Ngày bắt đầu phân tích/Date of Analysis Commencement: 15/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ANALYSIS RESULT(S)

[Xem trang kế/See next page(s)]

Ghi chú/ Notes:

^(#)Thông tin được khách hàng cung cấp/Information declared by client.

Các chỉ tiêu thể hiện trên báo cáo kết quả thử nghiệm/ The results of the above mentioned analyses:

Chỉ tiêu số 1 đến số 2 được tổng hợp từ báo cáo kết quả thử nghiệm số 2503002541-26 cấp ngày 20/03/2025/ No. 1 to No. 2 are reported from the analysis report 2503002541-26 dated March 20, 2025.

Chỉ tiêu số 3 đến số 10 được tổng hợp từ báo cáo kết quả thử nghiệm số 2503002541-27 cấp ngày 20/03/2025/ No. 3 to No. 10 are reported from the analysis report 2503002541-27 dated March 20, 2025.

Chỉ tiêu số 11 đến số 20 được tổng hợp từ báo cáo kết quả thử nghiệm số 2503002541-28 cấp ngày 26/03/2025/ No. 11 to No. 20 are reported from the analysis report 2503002541-28 dated March 26, 2025.

Các thử nghiệm này được thực hiện trên 1 đơn vị mẫu theo yêu cầu khách hàng/All tests were performed on one unit of sample as client's request.

^(*)Phương pháp được công nhận ISO/IEC 17025:2017 bởi tổ chức BoA/ISO/IEC 17025:2017 accredited method by BoA organisation.

^(**)Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ./Performed by subcontractor.

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/Limit of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation.
- Thông tin mẫu được khách hàng cung cấp/Sample information provided by clients.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/The analysis result(s) valid on tested sample only.
- Không được sao chép một phần báo cáo kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ban giám đốc Công ty TNHH TENTAMUS VIỆT NAM/This Analysis Report shall not be reproduced except in full, without written approval of the Board of Director of TENTAMUS VIETNAM LLC.

Phòng Kiểm nghiệm
Laboratory



NGUYỄN PHAN CHINH

Đại diện Công ty TNHH TENTAMUS VIỆT NAM
On behalf of TENTAMUS VIETNAM LLC

TRẦN LÊ MINH KHÁNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2503002541/K

Ngày/Date: 26/03/2025

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
A	PHẦN THÂN BẰNG THỦY TINH (#)					
1	Thôi nhiễm Cadmi (Cd) (Acid acetic 4%, 22°C, 24 giờ) /Cadmium migration (Cd) (4% Acetic acid, 22°C, 24 hours)	mg/l	< 0.01		0.01	QCVN 12-4:2015/BYT(*)
2	Thôi nhiễm Chì (Pb) (Acid acetic 4%, 22°C, 24 giờ) /Lead migration (Pb) (4% Acetic acid, 22°C, 24 hours)	mg/l	< 0.1		0.1	QCVN 12-4:2015/BYT(*)
B	PHẦN NẮP BẰNG NHỰA PP (#)					
3	Cadimi (Cd) /Cadmium	µg/g	< 5		5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
4	Chì (Pb) /Lead	µg/g	< 5		5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
5	KMnO ₄ sử dụng (Nước, 95°C, 30 phút) /KMnO ₄ consumption (Water, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 5		5	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
6	Cặn khô (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Acetic acid 4%, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10		10	QCVN 12-1:2011/BYT
7	Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút) /Residues after evaporation (20% Ethanol, 60°C, 30 minutes)	µg/ml	< 10		10	QCVN 12-1:2011/BYT
8	Cặn khô (Heptan, 25°C, 1 giờ) /Residues after evaporation (Heptane, 25°C, 1 hr)	µg/ml	< 10		10	QCVN 12-1:2011/BYT

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2503002541/K

Ngày/Date: 26/03/2025

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
9	Cặn khô (Nước, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Water, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10		10	QCVN 12-1:2011/BYT
10	Kim loại nặng quy ra chì (Pb) (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Heavy metal as Pb (4% Acetic acid, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 1		1	QCVN 12-1:2011/BYT(*)
C	RON BẰNG SILICONE (#)					
11	Cadmi (Cd) /Cadmium	µg/g	< 5		5	QCVN 12-2:2011/BYT(*)
12	Chì (Pb) /Lead	µg/g	< 5		5	QCVN 12-2:2011/BYT(*)
13	Kim loại nặng quy ra chì (Pb) (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Heavy metal as Pb (4% Acetic acid, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 1	1		QCVN 12-2:2011/BYT
14	Cặn khô (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Acetic acid 4%, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10		10	QCVN 12-2:2011/BYT(*)
15	Cặn khô (Ethanol 20%, 60°C, 30 phút) /Residues after evaporation (20% Ethanol, 60°C, 30 minutes)	µg/ml	< 10		10	QCVN 12-2:2011/BYT(*)
16	Cặn khô (Nước, 95°C, 30 phút) /Evaporation residues (Water, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 10		10	QCVN 12-2:2011/BYT(*)
17	Thôi nhiễm Formaldehyd (Nước, 95°C, 30 phút) /Formaldehyde migration (Water, 95°C, 30 minutes)	-	Âm tính / Negative			QCVN 12-2:2011/BYT

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYSIS REPORT

Báo cáo số/Report No.: 2503002541/K

Ngày/Date: 26/03/2025

STT/ No.	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	LOQ	Phương pháp/ Analysis method
18	Thôi nhiễm Kẽm (Acid acetic 4%, 95°C, 30 phút) /Zinc migration (4% Acetic acid, 95°C, 30 min)	µg/ml	< 0.1	0.1		QCVN 12-2:2011/BYT
19	Thôi nhiễm Phenol (Nước, 95°C, 30 phút) /Phenol migration (Water, 95°C, 30 mins)	µg/ml	< 5		5	QCVN 12-2:2011/BYT
20	2-Mercaptoimidazolin (Cao su chứa Clor) /2-Mercaptoimidazoline (Rubber products containing chlorine)	-	Âm tính / Negative			QCVN 12-2:2011/BYT(**)

Tổng số chỉ tiêu/Total testing parameters: 20

[Báo cáo kết thúc/End of report]